

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIỆM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Người giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Tập 101

PHẨM SÁU: PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN

Phẩm thứ sáu chân thật là trung tâm của toàn Kinh, đây là phẩm quan trọng nhất. Phẩm Kinh này là Bồ đề A Di Đà Phật chính miệng tuyên nói, Thích Ca Thế Tôn vì chúng ta chuyển thuật. Chuyển thuật của Thế Tôn cũng giống như A Di Đà Phật đích thân diễn nói, không có gì khác. Toàn Kinh, thực tế mà nói, chính là giải thích cho phẩm Kinh này mà thôi, cho nên chúng ta tỉ mỉ mà quán sát, “Kinh Vô Lượng Thọ” từ đầu đến cuối, 48 phẩm này mỗi câu mỗi chữ đều có liên quan với 48 nguyện, cũng chính là nói mỗi câu mỗi chữ đều là nói rõ 48 nguyện, giảng giải của 48 nguyện. Do đây có thể biết, đây là bao gồm tất cả Kinh luận nương theo của Tịnh Độ Tông, là chỗ nương về ban đầu, là chân Kinh của Tịnh Độ, cũng có thể xem là Đại Hiến Chương của Thế giới Cực Lạc (ngày nay chúng ta gọi là Hiến Pháp).

Nguyên do của phẩm này là Bồ Tát Pháp Tạng tuân theo giáo huấn của lão sư, ở ngay trong đại chúng tuyên nói đại nguyện thù thắng mà Ngài đã phát ra. Nhật Bản thời xưa nghiên cứu chú sớ đối với “Kinh Vô Lượng Thọ” nhiều hơn so với người Trung Quốc chúng ta, đây là hiện tại chúng ta xem thấy ở ngay trong trước tác bảo lưu lại. Những Đại đức Trung Quốc cổ đại có chú sớ hay không thì rất khó nói, có lẽ có, có lẽ không có. Nếu như có thì ở trong chiến loạn bị thất truyền rất nhiều. Thí dụ như nguyên bản dịch của “Kinh Vô Lượng Thọ”, hiện tại chúng ta biết từ triều Hán đến Nam Tống, ngay trong 800 năm này đã từng trải qua 12 lần phiên dịch, thế nhưng hiện tại trong Đại Tạng Kinh chỉ còn lưu giữ năm loại, còn lại bảy loại đã bị thất truyền. Đây là một việc vô cùng đáng tiếc. Chú giải của Tổ sư Đại đức xưa nay có bị thất truyền hay không, việc này cũng rất khó nói. Còn quốc gia Nhật Bản có thể nói là khu vực tương đối nhỏ, phạm vi động loạn cũng không lớn, rất nhiều điển tịch đều bảo tồn được rất hoàn chỉnh, cho nên chúng ta ở trong Vạn Tục Tạng Kinh của Nhật Bản xem thấy chú giải của “Kinh Vô Lượng Thọ” của người Nhật Bản nhiều hơn so với chúng ta rất nhiều lần, trong đó “Chân Giải” cũng là một chú giải nổi tiếng.

Trong chú giải này nói, Di Đà thành tựu công đức 48 nguyện mà quy nhất chánh giác. Chánh giác này chính là danh hiệu của Phật: “*Nam Mô A Di Đà*”

Phật”. Danh hiệu công đức không thể nghĩ bàn. Đây là chúng ta ở ngay trong lúc bắt đầu giảng Kinh đã từng nhiều lần nói qua với các vị, danh hiệu sáu chữ này đều là dịch âm văn Phạn. “*Nam Mô*” là ý nghĩa của quy y, ý nghĩa là quy mạng (quy là quay đầu, y là nương tựa). Ý nghĩa của danh hiệu “*A Di Đà Phật*” là Vô Lượng Giác. Đích thực Thế giới Tây Phương Cực Lạc hiện rõ ra vô lượng giác cứu cánh viên mãn. Thế giới Ta Bà của chúng ta và thế giới phương khác tuy là có giác, thế nhưng không viên mãn. Vì sao vậy? Không phải người người đều giác. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có người nào mê hoặc điên đảo, người mê hoặc điên đảo không thể vãng sanh, cho nên điều kiện vãng sanh chính là phải đầy đủ chánh giác, phải quy y vô lượng giác.

Có lẽ các vị đồng tu hoài nghi, nếu như là điều kiện như vậy thì việc vãng sanh của chúng ta e là không có hy vọng. Điểm này trên bộ Kinh này nói được rất rõ ràng, giác có thiên, có viên (có viên mãn, có không viên mãn); có lớn, có nhỏ. Giác ngộ lớn thì chúng ta không có, nhưng giác ngộ nhỏ thì chúng ta có. Thế nhưng ở Đại thừa Viên giáo, “*Kinh Vô Lượng Thọ*” đích thực thuộc về Viên giáo Đại thừa, Tổ sư Đại đức xưa nay phán bộ Kinh này là “*viên ở trong viên, đốn ở trong đốn, nhất thừa ngay trong nhất thừa*”, chân thật đem địa vị của bộ Kinh nâng lên đến không gì cao hơn được. Chúng ta có trí tuệ chọn lựa pháp môn niệm Phật, có tín tâm, có nguyện tâm thoát khỏi sáu cõi luân hồi, cầu sanh Thế giới Cực Lạc, xin nói với các vị, nói các vị tiểu giác cũng được, nói các vị đại giác cũng được, cái giác này không có lớn nhỏ. Dựa vào một niệm giác tâm này (một niệm này là giác thuần chánh) liền có thể vãng sanh, đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc liền được oai thần bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Đây là pháp môn một đời thành tựu, không phải là thành tựu nhỏ, không phải chứng được quả A La Hán, quả Bồ Tát, mà là Phật quả cứu cánh viên mãn ngay một đời thành tựu, cho nên pháp môn này là pháp môn bất khả tư nghĩ. Đây là Di Đà chánh giác công đức không thể nghĩ bàn, cho nên thệ nguyện không thể nghĩ bàn.

Chúng ta học Phật, then chốt thứ nhất là phải rõ lý, những đạo lý mà Phật đã nói trên Kinh phải tường tận, không luận là giảng đại đạo lý căn bản, đại đạo lý của vũ trụ nhân sanh, hoặc giả là nói nguyên do của Thế giới Tây Phương Cực Lạc. Phía trước chúng ta đã đọc qua, tại vì sao có A Di Đà Phật? A Di Đà Phật tại vì sao kiến tạo Thế giới Cực Lạc? Sau khi kiến tạo Thế giới Cực Lạc rồi lại vì cái gì? Chúng ta đều phải rõ ràng, đều phải tường tận. A Di Đà Phật có những mong cầu gì đối với chúng ta? Chúng ta muốn vãng sanh phải chuẩn bị những điều kiện gì? Chỗ này phía trước đã từng báo cáo qua với các vị. Lại nói hiện tại

chúng ta chọn lấy quyển Kinh này là một bản hội tập. Hiện tại có một số ít người phân biệt chấp trước rất sâu, cái gọi là thành kiến quá sâu, kỳ thật là đối với cư sĩ tại gia đều là xem thường, không coi trọng.

Người xuất gia ở bên ngoài hoằng pháp lợi sanh chân thật là chiếm được ưu thế, mọi người có thể sanh khởi tâm cung kính đối với họ. Còn người cư sĩ mà giảng pháp thì dù giảng có được tốt hơn cũng đều bị trừ bớt đi, ở trong lòng thính chúng tâm cung kính không khởi lên, trừ khi giảng được tốt hơn gấp mười lần so với người xuất gia thì thính chúng bên dưới mới có thể gật đầu. Nếu bạn giảng không giống như người xuất gia, người ta sẽ lắc đầu đối với bạn.

Hội tập Kinh bản cũng là như vậy, nếu như bản hội tập này là Đại đức xuất gia làm, thì thời đại hiện tại này sẽ không có người nào nói gì. Bản này là do cư sĩ tại gia hội tập. Sự việc này nói ra cũng rất kỳ lạ, ba loại hội tập đều là người tại gia làm. Bản hội tập thứ nhất là vào thời nhà Tống, do cư sĩ Vương Long Thư làm; bản hội tập thứ hai là khoảng năm Hàm Phong triều nhà Thanh, do cư sĩ Ngụy Mặc Thâm làm; còn bản hội tập lần thứ ba này do cư sĩ Hạ Liên Cư làm. Bản của Vương Long Thư hội tập ở trong “Long Tạng”, trong Đại Tạng Kinh của Nhật Bản cũng có bản hội tập này. Trước tác của Tổ sư Đại đức thời xưa, nếu như được thu vào trong Đại Tạng Kinh thì đó chính là nói những cao tăng Đại đức ở vào thời đại đó đều khẳng định trước tác này là không có sai lầm, có thể lưu truyền cho đời sau, vậy mới có thể vào Tạng. Vào Tạng là một tiêu chuẩn cao độ, tiêu chuẩn chí thiện.

Cư sĩ Vương Long Thư thực tế mà nói cũng rất là đáng tiếc, ở vào thời đại đó của ông chỉ xem thấy được bốn nguyên bản của “Kinh Vô Lượng Thọ”, một loại ở trong “Kinh Đại Bảo Tích” thì ông không có xem thấy. Do đây có thể biết, lúc đó có được Kinh điển là việc không dễ dàng, bởi vì ở vào triều nhà Tống vẫn là dùng bản chép tay, kỹ thuật in xua vẫn chưa phát triển, chưa phát minh ra, Kinh sách đều là sao chép, số lượng đương nhiên là rất có hạn, cho nên phần trong “Kinh Đại Bảo Tích” ông chưa thấy, ông chỉ nương theo bốn bản dịch mà hội tập. Trong “Kinh Đại Bảo Tích” còn có một số Kinh văn, ngoài ra còn bốn loại trong đó không có nên ông không xem thấy, do đó hội tập của ông không được viên mãn. Đồng thời khi ông hội tập, không biết là vô ý hay là cố ý, đem nguyên văn của Kinh sửa đi mấy chữ. Đương nhiên đối với ông mà nói thì đây là việc không có gì đáng lo, theo công phu học Phật của ông, cảnh giới ngộ nhập, cách tạo ra văn tự đều là thượng thừa, thế nhưng tiền lệ này không được khai mở. Tiền lệ mở rồi, người đời sau xem thấy Tổ sư đời trước có thể tùy tiện sửa đổi Kinh văn,

người đời sau cũng chiếu theo cách làm như vậy, người này sửa một câu, người kia sửa hai chữ, Kinh truyền đến đời sau thì hoàn toàn khác đi, cho nên Kinh vẫn là quyết định không được sửa đổi. Đây là Đại Sư Ấn Quang phê bình đối với ông, là tương đối không hài lòng đối với cách làm này của ông. Tổ sư phê bình có đạo lý của Ngài, mong muốn chánh pháp có thể thường trụ thế gian.

Bản hội tập của Ngụy Mặc Thâm cuối triều nhà Thanh, cư sĩ Ngụy đều xem thấy hết đủ năm loại nguyên bản dịch, cho nên hội tập của ông đích thực vượt qua quyền của Vương Long Thư, thế nhưng đối với sự lấy bỏ của nguyên bản dịch có một vài nơi không thỏa đáng, đồng thời cũng có sửa đổi văn tự của nguyên bản. Việc này Đại Sư Ấn Quang cũng có phê bình, cũng không vừa lòng là do nguyên nhân này.

Hạ lão cư sĩ phát tâm làm lại hội tập lần thứ ba, tránh được lỗi lầm mà hai bản dịch trước đã phạm, ông đã đặc biệt cẩn trọng mà làm. Chúng ta xem thấy ở trong lời tựa, lời tựa là do cư sĩ Mai Quang Hy làm, phẩm Kinh này Hạ lão mời Lão Pháp sư Huệ Minh cùng cư sĩ Mai Quang Hy, ba người đã dùng thời gian ba tháng hội tập thành phẩm này, như vậy mới biết được họ đã cẩn trọng đến dường nào. Ba vị Đại đức dùng thời gian của ba tháng hội tập một phẩm Kinh này, rất là nỗ lực, rất là cẩn trọng, vẫn phải cầu Phật Bồ Tát gia trì. Trên thực tế, chúng ta tỉ mỉ mà suy xét, ba vị Đại đức này đều là người tái sanh, không phải phàm phu, nhất là lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Ngài xuất hiện ở thời đại này, hội tập thành một bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” hoàn thiện như thế này, tác dụng của bản hội tập chính là muốn phổ độ chúng sanh ngay trong 9.000 năm Mạt Pháp, giúp đỡ những người này cầu sanh Thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta phải ghi nhớ, nhà Phật nói Mạt Pháp về sau vẫn còn 9.000 năm, cùng với người phương Tây hiện tại, tôn giáo phương Tây nói không như nhau. Tôn giáo thế giới phương Tây nói năm 1.999 là ngày tàn thế giới. Pháp vận của Phật pháp chúng ta vẫn còn 9.000 năm, vẫn còn rất dài. Sau 9.000 năm thì Phật pháp không còn.

Thời kỳ Mạt Pháp con người rất thống khổ. Khổ ở chỗ nào vậy? Khổ ở chỗ không có người dạy bảo. Loại tình hình khổ nạn này, người hiện đại chúng ta nếu như đầu óc bình lặng một chút cũng có thể tưởng tượng ra được mấy phần. Xã hội ngày nay động loạn, có thể nói con người khổ không nói ra lời, không luận là đời sống vật chất của họ như thế nào, đời sống tinh thần thì rất buồn khổ, đều là không thể an định. Đây là nguyên nhân gì vậy? Cổ thánh tiên hiền chúng ta thường hay cảm thán rằng: “*Con người có gì khác nhau với cầm thú*”. Con người là động vật, cùng với các động vật khác có gì khác nhau chứ? Con người sở dĩ có

thể chỉ linh hơn vạn vật là bởi vì con người được nhận qua giáo dục, các loài động vật khác không được nhận qua giáo dục, khác biệt chân thật chính ngay chỗ này.

Con người nhận qua giáo dục gì? Nhận qua giáo dục để làm người, cho nên biết được cách làm người. Thế nhưng mấy mươi năm cận đại này, loại giáo dục này không còn, phương Tây không còn, ở Trung Quốc cũng không có. Nếu như con người không biết được cách làm người, thì con người không khác gì với cầm thú, con người sẽ làm ra những việc của cầm thú, thế là xã hội liền không an định, sinh mạng tài sản của chúng ta không thể bảo đảm. Bạn xem những cầm thú động vật nhỏ, chúng ra ngoài tìm thức ăn, chúng có thể bị những cầm thú khác ăn thịt hay không? Rất khó nói. Chúng ra ngoài có thể bình an trở về hay không? Không dám chắc. Ngày nay chúng ta sống ở thế gian này cũng là như vậy, chúng ta không có cảm giác an toàn về sinh mạng và tài sản. Đây là do chúng ta xả bỏ đi giáo dục của cổ thánh tiên hiền nên cảm đến hậu quả. Nếu như sức ảnh hưởng của giáo dục của cổ thánh tiên hiền không còn tác dụng thì đó chính là Thời kỳ Mạt Pháp, mỗi một người đều tùy thuận phiền não, tùy thuận vọng tưởng của chính mình, tùy thuận tập khí của chính mình, trong tự nhiên sẽ làm ra rất nhiều việc gọi là tổn người lợi mình, vậy thì xã hội đó còn có thể sinh tồn hay sao?

Hiện tại chúng ta ở trên địa cầu này, các đồng tu có kỳ nghỉ đều ưa thích đi ra nước ngoài du lịch. Các vị đi qua rất nhiều nơi, trở về vẫn là thấy Singapore tốt. Tôi hỏi qua rất nhiều người, họ đều nói có cảm giác này. Singapore tốt ở chỗ nào vậy? Người dân tuân thủ pháp luật, trải qua ngày tháng có qui củ, làm việc có qui củ. Loại tinh thần này, loại thói quen đời sống này từ nhỏ bạn đã bồi dưỡng thành. Hay nói cách khác, giáo dục của Singapore còn có chút mùi vị tình người trong đó, so với ngày trước đã kém hơn rất nhiều, thế nhưng so với các khu vực quốc gia khác thì vẫn còn giữ lấy một phần tương đối. Điều này có một trách nhiệm gánh vác phụ giữa chính phủ đang xúc tiến, đang giáo dục nhân dân của họ biết được làm thế nào để trải qua ngày tháng, biết được làm thế nào để làm việc, biết được làm thế nào đối nhân xử thế tiếp vật, cho nên khu vực này tuy là rất nhỏ nhưng an định, tuy là cũng có chủng tộc khác nhau, tôn giáo khác nhau nhưng đôi bên có thể cùng hòa thuận chung sống. Việc này rất khó làm được.

Ngày nay trên thế giới có rất nhiều quốc gia, trên từ người lãnh đạo, dưới đến quần chúng, đều hy vọng có một xã hội an định, một xã hội phồn vinh, một thế giới hòa bình. Ngày ngày đang ngưỡng vọng, ngày ngày đang mong cầu, nhưng có thể đạt được hay không? Vậy thì phải xem chúng ta có phải là đang xem trọng việc giáo dục nhân luân hay không. Trong “Kinh Vô Lượng Thọ”

chúng ta xem thấy Thế giới Tây Phương Cực Lạc là đa nguyên văn hóa, người vãng sanh đi đến nơi đó, bây giờ chúng ta đổi đi một danh từ, người di dân đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc không phân chủng tộc, không phân tôn giáo. Người từ mười phương thế giới di dân đến Thế giới Cực Lạc, bối cảnh văn hóa khác nhau nhiều đến như vậy, tại vì sao có thể cùng cư ngụ ở Thế giới Tây Phương Cực Lạc an ổn vô sự, hòa thuận chung sống, trải qua đời sống chân thiện mỹ huệ, khiến người ngưỡng mộ? Xin nói với các vị, các vị tỉ mỉ xem qua Kinh điển này từ đầu đến cuối, Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có tổ chức chính trị, không nghe nói có ai đó làm Hoàng đế, ai đó làm Tổng thống của Thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng không xem thấy có Bộ trưởng, trong Kinh văn cũng không có nói với chúng ta ở bên đó có quân đội, có cảnh sát, thấy đều không có. Bạn xem, đời sống trải qua được tốt đến như vậy! Do đây có thể biết, đây không phải là vấn đề của chính trị, cũng không phải là vấn đề quân sự, kinh tế khoa học bên đó cũng không có, đều không hề nhắc đến, thế nhưng nhắc đến một việc vô cùng quan trọng là giáo học. A Di Đà Phật cùng chư đại Bồ Tát ngày ngày giảng Kinh nói pháp, giáo hóa chúng sanh, tất cả những người di dân đến bên đó ngày ngày học tập với Phật A Di Đà, học tập với các đại Bồ Tát, đời sống vui tươi không gì bằng. Chúng ta quay đầu nhìn lại, trên “Kinh Hoa Nghiêm”, Thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật cùng Thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật không hề khác nhau, chúng ta mới chân thật giác ngộ được, trong các cõi nước chư Phật chỉ làm một sự việc, dùng lời hiện tại của chúng ta mà nói là làm tốt việc giáo dục. Giáo dục là gì? Giáo dục là đa nguyên văn hóa. Ở thế gian này của chúng ta chủng loại giáo dục rất nhiều, chúng ta đem sự việc này xem thành việc giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, mà ở trong cõi nước chư Phật chỉ có một sự việc như vậy, cho nên chúng ta gọi nó là giáo dục đa nguyên văn hóa là được rồi. Sự việc này làm được tốt rồi thì vấn đề gì cũng đều có thể giải quyết, người người đều xứng ý, người người đều vừa lòng. Nhất là Thế giới Tây Phương Cực Lạc, ở nơi này, chúng ta xem thấy lần báo cáo này của Bồ Tát Pháp Tạng (48 nguyện này là báo cáo của Ngài) hoàn mỹ đến cùng cực. Đương nhiên chúng ta có thể tưởng tượng được, Tỳ kheo Pháp Tạng lúc đó ở ngay giảng đường của Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, đối diện với Thế Tôn, đối diện với đại chúng làm một cuộc báo cáo tường tận, mức độ tường tận đó có thể siêu vượt hơn so với chúng ta gấp trăm lần ngàn lần.

Chúng ta ở trước mặt Ngài học tập tình hình có thể thể hội được, thời gian Ngài học tập với lão sư của Ngài là ngàn ức tuổi, tu trì của Ngài năm kiếp, cho nên thời gian báo cáo của Ngài nhất định phải là rất dài lâu. Thế Tôn vì chúng ta

giới thiệu, đó chỉ là giới thiệu tinh hoa trong báo cáo, chỉ là mục lục của thiên báo cáo đó của Ngài mà thôi. Bốn mươi tám nguyên là mục lục, không phải nguyên văn, cho nên trong mục lục này, mỗi câu mỗi chữ đương nhiên hàm nhiếp vô lượng nghĩa. Việc này chúng ta nhất định phải có thể lý giải.

Trong năm loại bản dịch này, nguyên văn có rất nhiều sự khác biệt, đời Hán, đời Ngô dịch chỉ có 24 nguyên, nguyên 24 chương; hai bản đời Ngụy và đời Đường là 48 nguyên, còn đời Tống dịch là 36 nguyên. Khác biệt này thật quá lớn, cho nên người xưa, Đại đức xưa có cùng một cách nhìn, nhất định là pháp sư dịch Kinh đã căn cứ vào những bản dịch khác nhau, nếu không thì không thể nào có thể có sự khác biệt lớn đến như vậy. Cho nên từ ba loại khác biệt lớn này, các Ngài phán đoán bốn nguyên bản “Kinh Vô Lượng Thọ” truyền đến Trung Quốc chỉ ít có đến ba loại, ba loại này không như nhau, nguyên bản không như nhau, cho nên mới có tình huống này xảy ra. Phán đoán này là có lý do, chúng ta có thể tiếp nhận. Tại vì sao bốn nguyên bản có đến ba loại? Có thể có nhiều loại hơn, bởi vì bốn nguyên bản của chúng ta có bảy loại đã bị thất truyền, không hề xem thấy, nếu sau khi xem thấy có thể vẫn có khác biệt rất lớn. Thế là Tổ sư Đại đức liền nghĩ đến, Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa ở đời nhất định là đã giảng qua rất nhiều lần bộ Kinh này. Đây là một sự suy đoán, thế nhưng đích thực cũng có căn cứ, không phải tùy tiện nói. Chúng ta biết năm xưa Thế Tôn ở đời, giảng Kinh nói pháp chỉ giảng một lần, không hề trùng lặp giảng qua hai lần. “Kinh Vô Lượng Thọ” tuy là đã nhiều lần tuyên giảng, dụng ý đó thì không như nhau. Nếu như không phải đối với việc tu hành chứng quả của chúng ta có quan hệ vô cùng quan trọng, thì nhất định Thế Tôn không thể nào một bộ Kinh, một pháp môn giảng rất nhiều lần. Cho nên kết tập cũng chiếu theo đó mà kết tập lại, lưu truyền đến Trung Quốc mới có rất nhiều nguyên bản khác nhau. Từ ngay chỗ này mà quán sát, chúng ta liền hiểu rõ, Thế Tôn rất là xem trọng đối với bộ Kinh này. Đại đức xưa thời Tùy Đường đề xướng bộ Kinh này là đệ nhất Kinh chư Phật Như Lai độ chúng sanh thành Phật đạo.

Bởi vì nguyên bản có nhiều đến như vậy, nội dung khác biệt quá lớn, hơn nữa người thời đó muốn tìm nhiều loại bản dịch lại là việc tương đối khó khăn, cho nên người có tâm liền phát tâm làm công tác hội tập.

Cư sĩ Vương Long Thư là người mở đầu, tập hợp tất cả bốn hội tập làm thành một quyển, đọc một quyển này thì đã đọc qua hết tất cả bản dịch khác rồi, thuận tiện hơn rất nhiều cho người tu Tịnh Độ chúng ta. Chúng ta phải cảm ân. Pháp sư Ấn Quang chưa xem thấy quyển này của Ngài Hạ Liên Cư, nếu như Ấn Tổ xem

thấy quyển này, tôi tin tưởng nhất định Ngài sẽ gặt đầu, hội tập lần này rất hay. Bồn Kinh không phải không thể hội tập, hội tập là có thể, hội tập cũng là nên làm. Chúng ta biết được cư sĩ Vương Long Thư vắng sanh là biết trước giờ ra đi, ông là đứng mà vắng sanh. Các vị xem qua “Long Thư Tịnh Độ Văn”, quyển này phía trước có một tấm hình của cư sĩ Vương Long Thư đứng vắng sanh. Nếu như hội tập là không nên làm, hội tập là có lỗi lầm thì cư sĩ Vương Long Thư làm sao có thể đứng mà vắng sanh? Từ điểm này đã làm ra cho chúng ta một chứng minh, ông thay A Di Đà Phật làm một việc tốt, đối với Phật giáo, đối với chúng sanh đã làm ra công hiến to lớn, ông hội tập rất hay. Đại Sư Liên Trì là một vị Tổ sư Tịnh Độ mà người Trung Quốc chúng ta kính phục nhất. Ngài ở trong Di Đà Kinh Sớ Sao (Di Đà Kinh Sớ Sao đích thực là đại trước tác) vận dụng “Kinh Vô Lượng Thọ” bồn hội tập của Vương Long Thư gần như là vượt hơn phân nửa văn tự. Đây chính là nói rõ Đại Sư Liên Trì khẳng định đối với bồn hội tập của Ngài Long Thư.

Từ một số sự tích này, chúng ta đối với quyển này nhất định phải sanh khởi tín tâm. Có một số người hủy báng, luôn không ngoài là hữu ý hay vô ý. Có ý, đó chính là họ không có ý đồ thì chúng ta không cần phải nói, vô ý là nghe người ta hủy báng lại hòa theo người ta, đó là thuộc về vô ý, đây đều là không thể kiên định. Chúng ta phải kiên định tín tâm. Văn tự bồn hội tập này không nhiều, nghĩa lý này, ý nghĩa của năm loại nguyên bản dịch viên mãn tròn đầy bao gồm trong đó. Ngài đem 24 nguyện của bản dịch đời Hán Ngô, 48 nguyện trong bản dịch của đời Ngụy Đường, 36 nguyện của bản dịch đời Tống tập hợp lại, hội tập thành một phẩm này. Còn phân đoạn của nó là đoạn lớn 24 chương, khúc đoạn của Kinh này là 24 chương, mục nhỏ là 48 nguyện, đây là số tự của nguyên bản dịch xưa đều bao gồm hết, cho nên những Đại đức cận đại đều tán thán quyển này là bồn hoàn thiện nhất, bồn viên mãn nhất của “Kinh Vô Lượng Thọ”. Chúng ta ở ngay trong một đời này có thể gặp được rất là may mắn, chúng ta có duyên với Phật A Di Đà, cũng có duyên với Hạ Lão cư sĩ. Hạ Lão cư sĩ, chúng ta khẳng định Ngài là Bồ Tát thị hiện, quyết định không phải là người thông thường, người thông thường hội tập không thể viên mãn được như vậy. Các Ngài đến thế gian này, thực tế ra mà nói, chính là vì chúng ta làm ra việc này. Lý do của phẩm đề này chỉ giới thiệu đến chỗ này, bây giờ mời xem Kinh văn.

* * *

Kinh văn: “**Pháp Tạng bạch ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn, đại từ thánh sát”**”.

Chỗ này Pháp Tạng đã gọi là “*Thế Tôn*” chính là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, lão sư của Ngài. Báo cáo của Ngài là ở nơi giảng đường của lão sư, đối diện với lão sư, đồng tu, đại chúng. Đây là qui củ nói pháp, chúng ta phải học, trong đây viên mãn đầy đủ tâm trạng chân thành cung kính. Đại Sư Ấn Quang nói rất hay: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Phật pháp phải từ chỗ nào mà cầu? Từ ngay trong cung kính mà cầu. Chúng ta chỗ này xem thấy lễ tiết của Ngài, xem thấy thái độ nói chuyện của Ngài.

“*Bạch ngôn*”, đây là thái độ rất cung kính.

“*Duy nguyện Thế Tôn, đại từ thính sát*”. Thực tế ra mà nói, ngày nay thành tựu của Pháp Tạng siêu vượt lão sư, thế nhưng Pháp Tạng tuyệt nhiên không cho là thế. Siêu vượt lão sư, đó là đáng được kiêu ngạo, người hiện tại đều là như vậy. Trưa này tôi dùng cơm ở Y Viện Trung Hoa, ngồi bên cạnh tôi là cư sĩ Lý. Lão cư sĩ Lý nói với tôi, ông quen biết bạn bè Singapore đưa con trai đi học ở Hoa Kỳ muôn vàn khổ cực, cúng dường con trai đến Hoa Kỳ học, khi ở bên đó tốt nghiệp xong cũng thành gia lập nghiệp. Hai vợ chồng già rất nhiều năm không thấy được con trai nên rất là thương nhớ, đến Hoa Kỳ để thăm con trai. Đến nơi đó ở hơn một tháng, khi quay về, con trai đưa cho ông một hóa đơn và nói, cha ở chỗ con hơn một tháng, phí dụng ăn ở, mỗi ngày ăn cơm phí dụng cúng dường, từng món từng món đều đem ra tính hết, ngay đến phí dụng giặt quần áo cũng đều tính trong đó. Hai vợ chồng này vừa xem thấy tâm ý nguội lạnh, đưa con trai ra nước ngoài du học thì mất luôn rồi, không còn nữa, không quen biết, khi gặp mặt là làm ăn buôn bán, ông ăn bao nhiêu tiền cơm phải mau trả tiền. Việc này không thể trách con cái, mà phải trách chính mình không có dạy tốt, làm sao bạn có thể trách chúng? Từ nhỏ bạn không dạy cho chúng giáo dục luân lý, chúng không hiểu được hiếu dưỡng cha mẹ. Người Mỹ đích thực là như vậy, cha mẹ họ đến nhà ăn cơm cũng phải trả tiền, cùng bước vào tiệm ăn mỗi người tự trả tiền ăn của mình, không giống như người Trung Quốc giành nhau trả tiền, còn gây nhau để được trả tiền. Người nước ngoài xem thấy rất kỳ lạ. Tư tưởng của người phương Đông cùng người phương Tây không như nhau, cho nên sau khi ông quay về rất là đau lòng, nói cho những bạn bè thân thiết về những việc này. Khi tình cờ nhắc đến sự việc này, chúng ta nghĩ đến việc này. Giáo dục là vô cùng quan trọng.

Trong Y Viện Trung Hoa, bên cạnh có một Học Viện Trung Y thật khó được, là tinh hoa của văn hóa Trung Quốc, rất đáng tiếc là hiện tại người học rất ít. Hôm nay tôi đi thăm, thiết bị của họ rất là tốt, tương đối hoàn chỉnh, hy vọng đồng tu

có chí bảo tồn quốc túy của chúng ta có thể đến nơi học viện đó để học, họ chân thật là đang hành Bồ Tát đạo. Châm cứu dường như là chỉ nhận một đồng, lấy thuốc thì cho dù là thành phần thuốc như thế nào, không phân sang hèn, chỉ một giá là hai đồng. Tôi nói những người này đều là Bồ Tát, phát tâm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn.

A Di Đà Phật!

Cẩn dịch: Vọng Tây cư sĩ